

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí

Ông Mai Văn Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sáng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 162/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1991

Số CCCD: 044191013498

Nơi cư trú: thôn 4, xã Trung T, tỉnh Quảng Trị (nguyên thôn 4, xã Quảng T, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình cũ); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Thanh D, sinh năm 1989

Số CCCD: 044089001944

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm 2 Đông D, xã Quảng T, tỉnh Quảng Trị (nguyên xóm 2, thôn Đông D, xã Quảng P, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình cũ). Hiện cư trú tại: 4-2-24 Sasame, thành phố Toda, tỉnh Saitama, Nhật Bản (Japan); Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình chuẩn bị xét xử - nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thanh D tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện và đã kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng P, huyện Quảng T, tỉnh

Quảng Bình (nay xã Quảng T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 02/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đến năm 2019, vì lý do kinh tế nên chồng chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trong thời gian vợ chồng sống xa nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên tranh cãi. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng can thiệp nhưng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng gay gắt, trầm trọng và kéo dài, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa. Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thanh D để ổn định cuộc sống, công việc.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giả quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa. Chị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì thêm.

** Về phía bị đơn anh Phạm Thanh D:* Qua xác minh từ Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Bình (nay Quảng Trị), Tòa án xác định anh D hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất ngày 12/4/2019 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Tại bản tự khai (ngày 02/6/2025) có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản, bị đơn anh Phạm Thanh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị B tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện và đã kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng P, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình (nay xã Quảng T, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 02/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đến năm 2019, vì lý do kinh tế nên anh đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trong thời gian vợ chồng sống xa nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên tranh cãi. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng can thiệp nhưng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng gay gắt, trầm trọng và kéo dài, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nữa. Nay chị B làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý, đề nghị Tòa án tạo điều kiện giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị B; Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản chung: anh D trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại do điều kiện ở xa nên anh xin được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Vì nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 121, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị B được ly hôn anh Phạm Thanh D; Về con chung và tài sản chung không có nên không xem xét. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự ở nước ngoài theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị B và anh Phạm Thanh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Đặc biệt kể từ khi anh D sang nước ngoài làm ăn thì tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện tại giữa chị B và anh D không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, xử cho chị Trần Thị B được ly hôn anh Phạm Thanh D.

[2.2] Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản chung: Đương sự trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về lệ phí Ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Trần Thị B phải chịu số tiền 3.268.000 đồng. Chị Trần Thị B đã nộp đủ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 228, 238, các Điều 469, 474, 475; điểm a, b khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 121, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị B được ly hôn anh Phạm Thanh D.

2. Về con chung và về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005455 ngày 09/6/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị). Chị B phải chịu chi phí ủy thác: 3.268.000 đồng, chị B đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, chị Trần Thị B có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; anh Phạm Thanh D được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án (23/9/2025).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa